TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2025/HSST
Ngày: 02/6/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Đình Hoằng

Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Nguyễn Thanh An, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 85/2025/TLST – HS ngày 09 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025, đối với bị cáo:

Phạm Văn T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 10 tháng 01 năm 1990 tại Gia Lai;

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn C, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1967; Bị cáo có vợ là Lương Thị T2 T2sinh năm 1991 và có bốn người con lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/7/2024, hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

- *Bị hại:* T3, sinh năm 1987 (Đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

Ông P năm 1950

Bà H1sinh năm 1948

Chị H2sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: Làng P, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lương Thị T2 T2sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn C, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T3 ông T14(sinh năm 1987, trú làng P, xã A, TP ., tỉnh Gia Laiđều chưa được cấp giấy phép lái xe hạng A1. Chiều ngày 24/3/2024, T4 nhậu ở nhà người quen ở gần Công viên Đ, xã A, TP .sau đó về nhà tiếp tục ăn nhậu với ông Đinh Văn T5(sinh năm 1961, trú Thôn F, xã A, TP .Đến khoảng 18 giờ, T9 khiển xe mô tô biển số 81F7-5319 đi huyện Đ, tỉnh Gia Laiđể giải quyết công việc. Túc điều khiển xe mô tô 81F7-5319 ra đường Q chậm trên phần đường trái, hướng xã A, TP . đi huyện Đ, tỉnh Gia LaiKhi đi trên phần đường trái được một đoạn ngắn, Tquay mặt sang phải, quan sát phía sau và tiếp tục điều khiển xe mô tô 81F7-5319 đi chéo sang phần đường phải của đường Qhướng về huyện ĐCùng lúc này, ông T3điều khiển xe mô tô biển số 83F1-3581 lưu thông trên phần đường phải của đường Q hướng huyện Đ đi TP .đang đi đến. Do Tquay mặt sang phải, quan sát phía sau để chuyển hướng qua đường, nên không nhìn thấy xe mô tô 83F1-3581 do ông T14 điều khiển đang đi ngược chiều đến. Khi xe mô tô 81F7-5319 đi được khoảng 1/2 phần đường trái Quốc lộ A (hướng TP . đi huyện Đ mạnh vào phía trước, bên phải xe mô tô 83F1-3581, làm 02 xe mô tô cùng với ông T3và Tngã xuống mặt đường. Ông T14 và T6 đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh G; ngày 25/3/2024 ông T14 tử vong. Ngay sau khi tiếp nhận thông tin về vụ tai nạn giao thông, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.Pleiku và lực lượng Cảnh sát giao thông đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, tạm giữ các xe mô tô 83F1-3581, 81F7-5319 để xử lý. Qua xét nghiệm, xác định nồng độ cồn trong máu của Tlà 321,76 mg/dl; nồng độ cồn trong máu của ông T3là 170,86 mg/dl

Qua giám định, tại Kết luận giám định pháp y tử thi số 366 ngày 17/4/2024 của Phòng KCông an tỉnh Gkết luận nguyên nhân tử vong của ông T14 là do *"Chấn thương sọ não"*. Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 277 ngày 26/6/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Gkết luận Phạm Văn T7 tổn thương cơ thể 61%

Qua khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông, xác định:

Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông tại Km 158+800, Quốc lộ A thuộc Thôn B, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Quốc lộ A đường hai chiều, thẳng, được trải thảm bê tông nhựa bằng phẳng, rộng 13,25m; mặt đường được phân chia bằng vạch kẻ sơn màu vàng dạng đơn, đứt nét. Phần đường bên phải theo hướng từ huyện Đ đi thành phố P 6,55m, làn đường sát lề rộng 03m, được phân cách bởi vạch kẻ sơn màu vàng đạng đơn, liên tục. Chọn mép đường bên phải Quốc lộ A hướng từ huyện Đ đến thành phố P mép đường chuẩn.

Xe mô tô biển số 83F1-3581 nằm ngã nghiêng bên phải trên mặt đường, đầu xe quay về hướng huyện Đ quay về hướng thành phố P ký hiệu là (1); tâm trục bánh trước xe cách mép đường chuẩn 6,38m và cách tim đường là 0,17m; tâm trục bánh sau của xe cách mép đường chuẩn là 5,93m. Cách tâm trục bánh sau xe (1) 1,78m về hướng đi thành phố P trục bánh sau của xe mô tô biển số 81F7-5319. Xe mô tô biển số 81F7-5319 nằm ngã nghiêng bên phải trên mặt đường, đầu xe quay về hướng thành phố P xe quay về hướng huyện Đ ký hiệu là (2); tâm trục bánh sau của xe (2) cách mép đường chuẩn là 5,7m và cách tim đường là 0,95m; tâm trục bánh trước của xe (2) đến mép đường chuẩn là 5,3m. Cách tâm trục bánh sau xe (1) 0,55m hướng về phía mép đường chuẩn là đầu của vết cà diện (0,55x0,004)m dạng thẳng, hướng từ huyện Đ đến thành phố P ký hiệu là (3); đều vết (3) cách mép đường chuẩn là 5,8m, cuối vết nằm dưới gác chân trước bên phải xe (1) và cách mép đường chuẩn là 6,1m. Cách tâm trục bánh sau xe (2) 0,65m về hướng huyện Đlà đầu của vết cà diện (0,78x0,005)m dạng thẳng, hướng từ huyện Đ đến thành phố P ký hiệu là (4); đầu vết (4) cách mép đường chuẩn là 5,4m, cuối vết nằm dưới gác chân trước bên phải xe (2) và cách mép đường chuẩn là 5,35m. Cách tâm trục bánh sau xe (1) 1,4m hướng về mép đường chuẩn là tâm của vết màu nâu đỏ (nghi máu) không rõ hình, có diện (0,3x0,28)m, được ký hiệu là (5); tâm vết (5) cách mép đường chuẩn là 4,55m. Cách tâm trục bánh sau xe (1) 02m về hướng tim đường đi thành phố Plà tâm của vết màu nâu đó (nghi máu) không rõ hình, có diện (0,5x0,8)m, được ký hiệu là (6); tâm vết cách mép đường chuẩn là 7,2m. Cách tâm trục bánh sau xe (1) 01m về hướng đi thành phố P của vùng mảnh vỡ nhựa không rõ hình dạng, nằm rãi rắc xung quanh hiện trường, diện (08x4,5)m, được ký hiệu là (7); tâm vùng mảnh vỡ cách mép đường chuẩn là 5,5m

Qua khám nghiệm các dấu vết liên quan đến tai nạn trên xe mô tô biển số 83F1-3581, xác định:

Mặt nạ đầu xe, đèn chiếu sáng trước bị bể vỡ hoàn toàn. Đèn xi nhan bên phải bị vỡ hoàn toàn, đèn xi nhan bên trái bể vỡ rơi khỏi vị trí ban đầu. Cụm tay lái bên trái, phần ốp nhựa khu vực bị bể vỡ diện (10x12)cm. Phần ốp nhựa bảo vệ cổ xe phía trước bị bể vỡ hoàn toàn, lộ các chi tiết bên trong. Phuộc nhún 02 bên phía trước bị cong vênh theo chiều từ trước ra sau, từ phải qua trái. Dè chắn bùn phía trước bể vỡ diện (14x20)cm. Ốp nhựa bảo vệ lốc máy bị bể vỡ, lộ các chi tiết bên trong diện (23x20)cm. Chân đạp phanh phía trước bên phải cong vênh theo chiều từ trước ra sau. Gác để chân trước bên phải bị cong vênh theo chiều từ trước ra sau

Tại Kết luận giám định số 951 ngày 04/11/2024 của Phòng KCông an tỉnh Gkết luận xe mô tô biển số 83F1-3581 không phát hiện đục phá, sửa chữa số máy, số khung; xe có dung tích xi lanh là 96,875 cm^3; không phát hiện lắp ráp, sửa chữa, thay đổi kết cấu

Qua khám nghiệm các dấu vết liên quan đến tai nạn trên xe mô tô biển số 81F7-5319, xác định:

Bánh trước bị cong vênh, lệch về bên phải, chiều hướng từ trước ra sau. Phuộc nhún phía trước bên phải bị gãy rời khỏi vị trí lắp ráp. Mặt nạ hộp số và đèn chiếu sáng trước bị bể vỡ. Đèn tín hiệu bên phải không có. Đèn xi nhan trước bên trái bị bể vỡ, rơi khỏi vị trí lắp ráp. Tay thắng bên trái bị cong vênh, gập về trước , rơi khỏi vị trí lắp ráp. Cần khởi động bị cong vênh về phía sau. Mặt nạ bảo vệ lốc máy 02 bên phía trước bị bể vỡ hoàn toàn. Gác để chân phía trước bên trái bị cong vênh về sau. Ốp nhựa gắn biển số bị gãy. Cụm đèn phía sau bể vỡ.

Tại Kết luận giám định số 946 ngày 21/10/2024 của Phòng KCông an tỉnh Gkết luận xe mô tô biển số 81F7-5319 không phát hiện đục phá, sửa chữa số máy, số khung; xe có dung tích xi lanh là 97,606 cm^3; không phát hiện lắp ráp, sửa chữa, thay đổi kết cấu

Qua định giá, xác định: Xe mô tô 81F7-5319 bị hư hỏng, thiệt hại do tai nạn giao thông là 3.100.000 đồng; xe mô tô 83F1-3581 bị hư hỏng, thiệt hại do tai nạn giao thông là 2.150.000 đồng

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Bản Cáo trạng số 107/CT-VKS ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng, không thay đổi bổ sung gì và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T mức án từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự: Đã giải quyết xong, không đề cập đến

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng và các quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Đồng thời căn cứ vào Bản Kết luận giám định pháp y tử thi số 366/KLGĐTT-KTHS ngày 17/4/2024 của Phòng KCông an tỉnh Gvà Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 277/KLTTCT – TTPY ngày 26/6/2024 của Trung tâm pháp y – Sở Y, có đủ cơ sở kết luận: Phạm Văn T8 người chưa được cấp giấy phép lái xe hạng A1. Khoảng 18 giờ ngày 24/3/2024, sau khi đã uống rượu với một số người quen, T9 khiển xe mô tô 81F7-5319 (có dung tích xi lanh là 97,606 cm^3) đi từ nhà ở xã A, TP . đến huyện Đ, tỉnh Gia Laiđể giải quyết việc cá nhân. Khi T9 khiển xe mô tô 81F7-5319 đi đến đoạn Km 158+800 đường Q địa phận Thôn C xã A, TP .và đang đi chéo từ phần đường trái sang phần đường phải theo hướng TP . đi huyện Đ vào phía trước bên phải xe mô tô 83F1-3581 do ông T14(sinh năm 1987, trú làng P, xã A, TP ., tỉnh Gia Laiđiều khiển lưu thông trên phần đường phải của đường Q hướng ngược lại. Hậu quả, ông T3bị thương nặng và tử vong do chấn thương sọ não; Túc bị thương, bị tổn thương cơ thể 61%; 02 xe mô tô hư hỏng. Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến vụ tai nạn là do Phạm Văn T9 khiển xe mô tô có dung tích xi-lanh trên 50cm^3 tham gia giao thông đường bộ khi chưa được cấp giấy phép lái xe hạng A1, điều khiển xe mô tô tham gia giao thông sau khi đã uống rượu (có nồng độ cồn trong máu là 321,76 mg/dl), điều khiển xe mô tô chuyển hướng nhưng thiếu quan sát, không nhường đường cho xe đi ngược chiều, chuyển hướng khi còn gây trở ngại, nguy hiểm cho phương tiện khác. Một phần nguyên nhân tai nạn là do bị hại T3cũng điều khiển xe mô tô có dung tích xi-lanh trên 50cm^3 tham gia giao thông đường bộ khi chưa được cấp giấy phép lái xe hạng A1, cũng điều khiển xe mô tô tham gia giao thông sau khi đã uống rượu (có nồng độ cồn trong máu là 170,86 mg/dl), thiếu quan sát và không giảm tốc độ khi phát hiện chướng ngại vật là xe mô tô 81F7-5319 đang chuyển hướng.

Hành vi điều khiển xe mô tô có dung tích xi-lanh trên 50cm^3 tham gia giao thông đường bộ khi chưa được cấp giấy phép lái xe hạng A1, điều khiển xe mô tô tham gia giao thông sau khi đã uống rượu (có nồng độ cồn trong máu là 321,76 mg/dl), điều khiển xe mô tô chuyển hướng nhưng thiếu quan sát, không nhường đường cho xe đi ngược chiều, chuyển hướng khi còn gây trở ngại, nguy hiểm cho phương tiện khác do bị cáo Phạm Văn T10 hiện như nêu trên đã vi phạm quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 23 Điều 8; khoản 2 Điều 15; khoản 1 Điều 58 Luật Giao thông đường bộ năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2018, 2019. Hành vi của bị cáo Phạm Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã gây ra tai nạn giao thông làm chết 01 người, nên đã phạm vào tội: *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"*, với các tình tiết định khung tăng nặng: *"Không có giấy phép lái xe theo quy định", "Trong*

tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định…", theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, đến sự an toàn về tính mạng, sức khoẻ của công dân. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc điều khiển xe mô tô tham gia giao thông đường bộ khi chưa có giấy phép lái xe theo quy định và đã sử dụng rượu bia là vi phạm pháp luật nên đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của bị hại. Để đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung thì việc truy tố, xét xử và buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là cần thiết.

[4] Để có mức án thỏa đáng, ngoài việc xem xét, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt cụ thể:
Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.
Tình tiết tăng nặng bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố vụ án và tại phiên toà, bị cáo T11 thành khẩn khai nhận về hành vi của bản thân và các tình tiết có liên quan; đã tích cực bồi thường thoả đáng về dân sự, được đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại T3 cũng có một phần lỗi trong vụ tai nạn nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự

[5] Căn cứ vào quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự; căn cứ vào nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần lên cho bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay. Xét mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm" nên bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo không liên quan đến nghề nghiệp nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra vụ án, Phạm Văn T12 bồi thường cho đại diện hợp pháp của ông T14 số tiền 50.000.000 đồng. Đại diện hợp

pháp của ông T14 không có yêu cầu gì khác về bồi thường dân sự và có đơn bãi nại đối với T, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng vụ án: Xe mô tô biển số 83F1-3581 do ông Nguyễn Thanh V(trú thôn P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng) đứng tên đăng ký chủ sở hữu; xe mô tô biển số 81F7-5319 do ông Nguyễn Thành C(trú số H đường L, phường Y, TP ., tỉnh Gia Laiđứng tên đăng ký chủ sở hữu. Phạm Văn T13 mua lại xe 81F7-5319, nhưng chưa làm thủ tục thay đổi đăng ký chủ sở hữu và cũng không cung cấp được tài liệu, giấy tờ để chứng minh. Cơ quan điều tra đã xác minh, nhưng chưa làm việc được với ông V1 ông C1 trên, nên chưa có căn cứ để xác định chính xác nguồn gốc, chủ sở hữu các phương tiện này. Cơ quan điều tra tạm giữ các xe mô tô để tiếp tục xác minh làm rõ; khi có đủ căn cứ sẽ xem xét và xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 260; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T14 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP. P;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Công an tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS TP. P;
- Bị cáo, người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Q

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo, người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thắm